TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Văn Thị Thu Vân;
2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Ông Lê Minh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-ST ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Chi nhánh M, Tổng Công ty X; nơi ở hiện tại: Đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Quân khu 4, số A đường N, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Đặng Thị Kim D – Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt;

- Luật sư Nguyễn Thị Hằng N – Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh N; vắng mặt.

3. Bị đơn: Chị Trương Thị Anh H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản khai có tại hồ sơ nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh T và chị Trương Thị Anh H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên

cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Đến năm 2023 khi anh T chấp hành hình phạt tù theo Bản án số 05/2023/HS-PT2 ngày 06/7/2023 của Tòa án Quân sự Trung ương thì vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm đến nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa. Do vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là Phan Hoài Thạch G, sinh năm 1996 và Phan Trương Bảo N1, sinh ngày 23/4/2007. Cháu G đã trên 18 tuổi và tự lập được nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu N1, vì anh T đang chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, anh T sẽ chịu trách nhiệm chăm lo cho cháu N1 sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trương Thị Anh H trình bày: Chị H và anh Phan Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 05/6/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Gia Lai. Gia đình chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 anh T vi phạm pháp luật bị tạm giam để điều tra. Trong thời gian anh T bị tạm giam chị H và các con đã nhiều lần đến thăm anh, đã nộp tiền để khắc phục hậu quả và đóng phí để nhờ Luật sư bào chữa cho anh T. Tuy nhiên khi anh T được tại ngoại để chờ điều tra, xét xử, anh T được đơn vị tạo điều kiện cho về sống tại nhà cha mẹ đẻ ở huyện T, tỉnh Quảng Trị nhưng anh T lấy lý do bị quản thúc tại đơn vị nên từ chối khi chị H đề nghị đưa con ra thăm anh, đề nghị anh về thăm nhà, đề nghị nói chuyện về những vấn đề mâu thuẫn nảy sinh giữa vợ chồng. Trong thời gian 3 năm này anh cũng không hỗ trợ gì cho chị H để chăm sóc và nuôi các con ăn học. Vào tháng 8 năm 2023 khi anh T chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam chị H cũng đã đưa cháu N1 ra thăm, đến tháng 10 năm 2023 anh T đột ngột thông báo qua điện thoại với chị H là anh đã ủy quyền cho Luật sư để làm các thủ tục ly hôn vì lý do tình cảm vợ chồng không còn nữa và để cho chị H nhẹ nhàng hơn trong cuộc sống, chăm lo cho các con. Anh T từ chối gặp mặt chị H và thông qua Luật sư đề nghị chị H phải giao tất cả những giấy tờ, tài liệu cá nhân của anh T, để tránh khó xử khi gặp nhau sau này. Những việc anh T làm đã gây tổn thương về tình cảm, về tài chính, làm ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc và tinh thần của chị và các con. Do vậy chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có hai con chung là Phan Hoài Thạch G, sinh năm 1996 và Phan Trương Bảo N1, sinh ngày 23/4/2007. Cháu G đã trên 18 tuổi và tự lập được, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N1 và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Đặng Thị Kim D trình bày: Nguyên đơn anh Phan Văn T hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại Tạm giam Quân khu D1, theo lời trình bày của nguyên đơn

thì cuộc sống của vợ chồng anh đã không còn hạnh phúc và bởi vì việc anh vi phạm pháp luật đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ và các con. Anh phải chấp hành hình phạt tù trong thời gian dài nên anh muốn ly hôn để trả tự do cho vợ và không làm ảnh hưởng đến cuộc sống sau này của vợ và các con anh. Anh T và chị H có 02 con chung là Phan Hoài Thạch G và Phan Trương Bảo N1, cháu G hiện đã trên 18 tuổi và tự lập được, cháu N1 đang sống cùng với chị H, anh T đang bị tạm giam nên không thể trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, cháu N1 nếu giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho sự phát triển của cháu nên anh T đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu N1, sau khi chấp hành xong hình phạt tù thì anh sẽ có trách nhiệm chăm lo cho cháu. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản đã được thỏa thuận xong nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét các yêu cầu của nguyên đơn được pháp luật cho phép nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân chấp nhận cho anh Phan Văn T ly hôn với chị Trương Thị Anh H. Về việc nuôi con, giao cho chị H trực tiếp nuôi con là cháu Phan Trương Bảo N1, sinh ngày 23/4/2007. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Phan Văn T yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với chị Trương Thị Anh H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn anh Phan Văn T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Thị Hằng N có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn anh T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T và chị Trương Thị Anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh T và chị H có phát sinh mâu

thuẫn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị H. Vì anh T đang chấp hành hình phạt tù nên có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Lời khai có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa chị H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T ly hôn với chị H.

[4] Về việc nuôi con: Anh T và chị H có hai con chung là Phan Hoài Thạch G, sinh năm 1996 và Phan Trương Bảo N1, sinh ngày 23/4/2007. Cháu G đã trên 18 tuổi và tự lập được, anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Anh T và chị H thống nhất giao cho anh chị H trực tiếp nuôi cháu N1. Chị H có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn chị Trương Thị Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận anh Phan Văn T ly hôn với chị Trương Thị Anh H.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Trương Thị Anh H trực tiếp nuôi con là cháu Phan Trương Bảo N1, sinh ngày 23/4/2007, khi cháu N1 chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006967 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/12/2023. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, số 65/1995);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Kia **Văn Thị Thu Vân** **Bùi Thị Bích Thảo**